TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST
Ngày: 24 – 5 – 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Tuấn Khanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hổ

2. Ông Trần Văn Tám

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 24 tháng 05 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐHPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Truyền Th, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2022, có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đều trình bày:

Năm 2009 bà Nguyễn Thị T có đến cửa hàng kinh doanh của ông Nguyễn Truyền Th mua vật tư nông nghiệp nhiều lần và còn nợ lại số tiền 9.024.000 đồng. Ông Th có đến gặp bà T để yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng bà T chỉ hẹn mà không trả, vì vậy ngày 06/06/2011 ông Th đã làm đơn gửi đến Ban lãnh đạo ấp An Hòa, xã An Minh Bắc để yêu cầu giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 16/7/2011 của Ban lãnh đạo ấp An Hòa thì bà T thừa nhận có mua phân thuốc trừ sâu tại cửa hàng của ông Th và còn nợ lại số tiền 9.024.000 đồng, ông Th yêu cầu bà T trả số nợ trên thành 02 lần, nhưng bà T không đồng ý mà chỉ đồng ý trả cho ông Th mỗi năm là 500.000 đồng, vì vậy cuộc hòa giải không thành.

Nguyên đơn ống yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 9.024.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày hòa giải tại ấp An Hòa (16/7/2011). Đây là số nợ do bà T đứng ra mua nên ông Th chỉ yêu cầu một mình bà T đứng ra trả nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2011 của Ban lãnh đạo ấp An Hòa, xã An Minh Bắc bà Nguyễn Thị T trình bày*:*

Bà T thừa nhận có mua phân thuốc tại cửa hàng của ống và còn nợ lại tổng số tiền là 9.024.000 đồng, bà T đồng ý trả cho ông Th số tiền trên với hình thức mỗi năm trả 500.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Biên bản hòa giải ngày 16/7/2011 của Ban lãnh đạo ấp An Hòa, xã An Minh Bắc, Đơn yêu cầu gửi Ban lãnh đạo ấp An Hòa ngày 06/06/2011, Đơn xin xác nhận nơi cư trú của bà Nguyễn Thị T, Giấy ủy quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị T được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Truyền Th với bà Nguyễn Thị T là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa. Cụ thể ông Th yêu cầu bà T trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 9.024.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Theo nội dung trong biên

bản hòa giải ngày 16/7/2011 của Ban lãnh đạo ấp An Hòa, xã An Minh Bắc (được UBND xã An Minh Bắc xác nhận) bà T thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ống và còn nợ lại số tiền 9.024.000 đồng. Bà T xin trả cho ông Th mỗi năm là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng ông Th không đồng ý, vì vậy cuộc hòa giải không thành.

Xét việc bà T mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông Nguyễn Truyền Th trong năm 2009 và còn thiếu lại tổng số tiền 9.024.000 đồng, nhưng từ đó đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Th là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, nguyên đơn ông Th khởi kiện yêu cầu bà T trả số nợ 9.024.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng trước đây khi mua bán, ông Th có thỏa thuận bán thiếu cho bà T trong thời gian 04 tháng, nếu sau 04 tháng bà T không trả thì ông Th sẽ tính lãi với mức lãi suất 2%/tháng. Theo nội dung đơn yêu của ống gửi Ban lãnh đạo ấp An Hòa ngày 06/06/2011 để yêu cầu bà T trả nợ, cũng như tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2011 của Ban lãnh đạo ấp An Hòa, xã An Minh Bắc đều có thể hiện việc tính lãi suất là 2%.

Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này"

Theo quy định trên thì lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tức là không được vượt quá 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng. Mức lãi suất theo thỏa thuận giữa ông Th với bà T là 2% là vượt mức lãi suất do Nhà nước quy định, vì vậy cần phải áp dụng mức lãi suất theo quy định là 1,66%/tháng.

Tiền lãi của số tiền 9.024.000 đồng bà T phải trả cho ông Th từ ngày 16/7/2011 đến 24/5/2023 (142 tháng 8 ngày) theo mức lãi suất 1,66%/tháng = 21.311.000 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm mười một nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền bà T phải trả cho ông Th là 30.335.000 đồng (ba mươi triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.517.000 đồng (một triệu năm năm mười bảy nghìn đồng).

ống (người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị D) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đòng) theo biên lai thu số 0003448 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Truyền Th (người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị D) đối với bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa

2. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa trả cho ống số tiền là 30.335.000 đồng (ba mươi triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí là 1.517.000 đồng (một triệu năm năm mười bảy nghìn đồng).

Ông Nguyễn Truyền Th (người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị D) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003448 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân*

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh